

MỐI QUAN HỆ GIỮA THỰC HÀNH DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ, KỶ CƯƠNG XÃ HỘI NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA PHỤ NỮ TRONG TÌNH HÌNH MỚI*

■ Thượng tá, TS. ĐÀO THÙY DƯƠNG**

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng quyền của phụ nữ Việt Nam hiện nay. Thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, kỷ cương xã hội trong việc bảo đảm quyền của phụ nữ, bài viết đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của phụ nữ trong tình hình mới.

Từ khóa: Thực hành dân chủ; bảo đảm kỷ cương xã hội; tăng cường pháp chế; quyền con người; quyền của phụ nữ.

Nhận bài: 04/4/2025

Hoàn thành biên tập: 22/4/2025

Duyệt đăng: 05/5/2025

THE RELATIONSHIP BETWEEN PRACTICING DEMOCRACY, STRENGTHENING THE LEGALITY, AND SOCIAL DISCIPLINE TO ENSURE WOMEN'S RIGHTS IN THE NEW SITUATION

Abstract: The article analyzes the current status of women's rights in Vietnam. Through analyzing the relationship between practicing democracy, strengthening the legality, and social discipline in ensuring women's rights, the article puts forward a number of recommendations and proposals to improve the effectiveness of ensuring women's rights in the new situation.

Keywords: Practicing democracy; ensuring social discipline; strengthening the legality; human rights; women's rights.

Article received: 04/4/2025

Editing completed: 22/4/2025

Approved for publication: 05/5/2025

Đặt vấn đề

Quyền con người, trong đó quyền của phụ nữ, luôn được coi là một nội dung quan trọng trong phát triển bền vững ở Việt Nam. Từ một đất nước chịu ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh và bất bình đẳng giới, Việt Nam đã có những bước tiến lớn trong việc thúc đẩy quyền bình đẳng và bảo vệ quyền của phụ nữ. Với các cam kết quốc tế mạnh mẽ như Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (CEDAW) và các nỗ lực nội tại thông

qua luật pháp và các chính sách cụ thể, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu trong bảo đảm quyền của phụ nữ trên mọi lĩnh vực. Công ước CEDAW là văn kiện quan trọng về quyền của phụ nữ, yêu cầu các quốc gia thành viên phải loại bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi lĩnh vực. Tại các văn bản quốc tế (như: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 - UDHR, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 - ICCPR, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

* Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Quốc gia: “Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa”, mã số KX04.06/21-25.

** Phó Trưởng phòng Quản lý nghiên cứu khoa học, Học viện Cảnh sát nhân dân

năm 1966 - ICESCR, Hiến chương ASEAN về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người...) và các văn bản trong nước (như: Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030...) đều thể hiện rất rõ việc bảo đảm quyền của phụ nữ. Các văn bản trên đóng vai trò nền tảng pháp lý và là cơ sở để thúc đẩy, bảo vệ quyền của phụ nữ ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và chuyển đổi số nhanh chóng, phụ nữ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức mới (từ bạo lực gia đình, bất bình đẳng trong thu nhập và cơ hội việc làm, đến việc hạn chế tiếp cận các dịch vụ pháp lý và xã hội). Đặc biệt, mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế vẫn còn nhiều bất cập, đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện hơn để vừa bảo đảm quyền con người vừa giữ vững kỷ cương xã hội. Việc giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế và bảo đảm kỷ cương xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền của phụ nữ. Điều này không chỉ giúp phụ nữ có môi trường phát triển toàn diện mà còn góp phần xây dựng xã hội công bằng, văn minh, ổn định.

1. Khái quát về thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế

Thực hành dân chủ được hiểu là việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định, nguyên tắc và biện pháp để bảo đảm cho mọi người dân thực hiện quyền dân chủ nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của con người với tư cách là chủ nhân của xã hội, là hiện thực hóa phương châm mà Đảng đã xác định: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”.

Thực hành dân chủ đối với phụ nữ ở Việt Nam nhằm bảo đảm quyền bình đẳng và sự tham gia toàn

diện của họ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, muốn vậy: (i) phụ nữ phải được bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật, gồm quyền bầu cử, ứng cử và tham gia quản lý nhà nước (được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và Luật Bình đẳng giới năm 2006); (ii) thực hành dân chủ yêu cầu tạo điều kiện để phụ nữ tiếp cận giáo dục, việc làm và các cơ hội kinh tế ngang bằng với nam giới, qua đó, thúc đẩy năng lực cá nhân và đóng góp cho xã hội; (iii) cần có các cơ chế bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực, phân biệt đối xử và định kiến giới, được cụ thể hóa qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 cùng các chính sách hỗ trợ khác; (iv) sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định liên quan đến những vấn đề chính trị - xã hội phải được tăng cường thông qua việc nâng cao tỷ lệ đại diện của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp. Những yêu cầu này không chỉ phản ánh bản chất của dân chủ mà còn là nền tảng để xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ.

Mục tiêu của thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là củng cố và tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN) vững mạnh; giữ ổn định chính trị, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, tạo tiền đề đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ.

Ở Việt Nam, pháp chế không chỉ là hệ thống các quy định pháp luật, mà còn là cơ chế bảo đảm để mọi hoạt động của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đều tuân thủ đúng Hiến pháp và pháp luật. Pháp chế XHCN nhấn mạnh tính tối cao, thống nhất và minh bạch của pháp luật, nhằm bảo vệ quyền con người và phục vụ lợi ích nhân dân, là công cụ xóa bỏ bất công, bảo đảm bình đẳng giới và quyền lợi cho mọi tầng lớp, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, công bằng và trật tự.

Tăng cường pháp chế là tăng cường quản lý mọi hoạt động của xã hội, không để một lĩnh vực nào thiếu sự điều chỉnh của pháp luật hoặc không được pháp luật điều chỉnh tới; là thực hiện những quy định của Nhà nước nhằm duy trì trật tự và bảo đảm kỷ cương xã hội.

Thực hành dân chủ XHCN, tăng cường pháp chế XHCN và bảo đảm kỷ cương xã hội có mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ và làm tiền đề cho nhau tồn tại. Thực hiện pháp chế nghiêm minh là yếu tố bảo đảm, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân được thực hành trong thực tiễn; đồng thời, thực hành dân chủ của nhân dân được mở rộng và phát huy sẽ làm cho pháp chế ngày càng được tăng cường và kỷ cương trong xã hội được tôn trọng.

2. Thực trạng quyền của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc bảo vệ, bảo đảm quyền của phụ nữ, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

(i) Trong chính sách, pháp luật

Hiến pháp năm 2013 khẳng định, quyền bình đẳng giới là nguyên tắc hiến định, tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ quyền của phụ nữ. Theo đó, nam và nữ đều có quyền bình đẳng trong mọi lĩnh vực (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình). Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 đã đặt nền móng cho các chính sách và chương trình bảo vệ phụ nữ. Bên cạnh đó, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước CEDAW từ năm 1982.

(ii) Trong lĩnh vực giáo dục

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2019 - 2020 có 48,5% nữ học sinh học ở cấp trung học cơ sở; 53,5% nữ học sinh ở cấp phổ thông trung học; 54,6% nữ học sinh học cấp đại học¹. Tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 97,33% so với nam giới là 97,98%. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt 93,6%, trong đó, tỷ lệ nữ dân tộc thiểu số biết chữ đạt 92,58%. Tỷ lệ nữ sinh tham gia các kỳ thi quốc gia và quốc tế trong thời gian vừa qua cũng tăng lên đáng kể, nhiều nữ sinh đã đạt giải trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế. Năm 2015, tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 59%, tiến sỹ đạt 36%; năm 2019, tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 54,25%, tiến sỹ đạt 30,8%². Đây là những con số thể hiện sự phát triển của nữ giới đang dần có sự tương đồng so với tỷ lệ của nam giới.

(iii) Trong lĩnh vực kinh tế

Theo Báo cáo năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay đã hợp nhất với Bộ Nội vụ), tỷ lệ tham gia thị trường lao động của phụ nữ Việt Nam ở mức cao, 70,9% phụ nữ Việt Nam trong độ tuổi lao động tham gia lực lượng lao động (tỷ lệ toàn cầu là 47,2% và tỷ lệ ở châu Á - Thái Bình Dương thậm chí còn thấp hơn, ở mức 43,9%)³. Tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở Việt Nam năm 2019 đạt 76,8%, thuộc nhóm cao nhất Đông Nam Á; trong khi đó, tỷ lệ này ở Indonesia là 51%, Ấn Độ là 20,6%. Khoảng cách tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ so với nam giới ở Việt Nam là 5,1%; trong khi ở

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, “Số liệu thống kê giáo dục năm học 2019 - 2020”, <https://vwu.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/phu-luc-so-lieu-51509-6801.html>, truy cập ngày 11/4/2025.

2. ThS. Nguyễn Thu Phương, “Một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”, Tạp chí Quản lý nhà nước, tháng 12/2020.

3. Tia Sáng, “Thị trường lao động Việt Nam: Tỷ lệ nữ cao hơn trung bình toàn cầu và khu vực”, <https://tiasang.com.vn/doi-moi-sang-tao/ty-le-phu-nu-viet-nam-tham-gia-luc-luong-lao-dong-cao-hon-trung-binh-toan-cau-va-khu-vuc/>, truy cập ngày 11/4/2025.

Indonesia là 32,7%; mức trung bình của thế giới là 26,7%⁴.

(iv) Trong lĩnh vực chính trị

Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XV (2021-2026) đạt 30,26%⁵. Hiện, ngày càng nhiều phụ nữ giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng trong các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội. Điều này thể hiện quyền của phụ nữ được Việt Nam rất quan tâm, chú trọng.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, quyền của phụ nữ ở Việt Nam đang đối mặt với những thách thức nhất định, như: Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), mức lương trung bình của phụ nữ Việt Nam thấp hơn nam giới khoảng 13%⁶. Điều này cho thấy còn sự bất bình đẳng trong lao động và thu nhập giữa nữ giới và nam giới tại Việt Nam. Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê), trong 9 tháng đầu năm 2024, thu nhập bình quân tháng của lao động nam (8,6 triệu đồng) cao gấp 1,34 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (6,4 triệu đồng)⁷.

Bên cạnh đó, phụ nữ vẫn phải chịu các vấn đề bạo lực gia đình và xã hội. Theo số liệu điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay đã hợp nhất với Bộ

Nội vụ), Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê), Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam công bố năm 2020, tại Việt Nam có 31,6% phụ nữ (tức là gần 1/3 phụ nữ) phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực⁸. Ngoài ra, hệ thống hỗ trợ pháp lý và xã hội cho các nạn nhân chưa đủ mạnh, đặc biệt ở vùng nông thôn và miền núi. Tại các vùng sâu, vùng xa, nhiều phụ nữ bị hạn chế trong tiếp cận các vấn đề pháp lý. Thậm chí, họ không biết đến các quyền pháp lý cơ bản của mình, dẫn đến khó khăn trong việc tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của bản thân.

3. Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế và bảo đảm kỷ cương xã hội trong bảo đảm quyền của phụ nữ

Thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội là mối quan hệ thứ mười được bổ sung trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hợp thành hệ thống mười mối quan hệ lớn, thể hiện tính quy luật của đổi mới, hội nhập và phát triển ở Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: Một trong những mối quan hệ lớn cần phải nắm vững và xử lý tốt trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo, đó là “mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng

4. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, “*Sự tham gia và vị thế của phụ nữ trong nền kinh tế ở Việt Nam*”, <https://kinhtevadubao.vn/su-tham-gia-va-vi-the-cua-phu-nu-trong-nen-kinh-te-o-viet-nam-28079.html>, truy cập ngày 11/4/2025.

5. Hội đồng Bầu cử Quốc gia (2021), “*Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026*” (Báo cáo số 783/BC-HĐBCQG ngày 14/7/2021).

6. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay đã hợp nhất với Bộ Nội vụ) (2023), “*Sách trắng về doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ*”, <https://hoilhpn.org.vn/web/ho-tro-phu-nu-khoi-nghiep-va-khoi-su-kinh-doanh/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/vai-tro-va-dau-an-phu-nu-viet-nam-tren-034-ban-%C4%91o-034-kinh-te-415101-4401.html>, truy cập ngày 11/4/2025.

7. Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) (2024), “*Thống kê kinh tế - xã hội năm 2024*”, Thông cáo báo chí về tình hình lao động, việc làm quý III và 9 tháng năm 2024 - General Statistics Office of Vietnam, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/>, truy cập ngày 11/4/2025.

8. Báo cáo điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam công bố năm 2020, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2024/10/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/>, truy cập ngày 11/4/2025.

cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”. Đây là sự nhất quán quan điểm của Đảng, có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm vừa phát huy dân chủ, vừa giữ vững kỷ cương, pháp luật để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trên nền tảng dân chủ và tinh thần thượng tôn pháp luật, theo đó các quyền con người phải được bảo đảm và phát triển.

Thực hành dân chủ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền của phụ nữ. Phụ nữ được tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và ra quyết định, từ đó thúc đẩy các chính sách “nhạy cảm giới”. Thực hành dân chủ giúp người dân, bao gồm phụ nữ, có cơ hội giám sát việc thực thi pháp luật và các chính sách liên quan đến quyền lợi của mình. Trong thực hành dân chủ tại Việt Nam, một số quyền cơ bản của phụ nữ được bảo đảm, cụ thể:

Thứ nhất, quyền bình đẳng giới đối với phụ nữ phải được thực thi, bao gồm quyền không bị phân biệt đối xử trong mọi lĩnh vực (được quy định tại Điều 26 Hiến pháp năm 2013 và Luật Bình đẳng giới năm 2006), bảo đảm phụ nữ có vị thế pháp lý ngang bằng với nam giới.

Thứ hai, quyền tham gia chính trị của phụ nữ (bao gồm quyền bầu cử, ứng cử và giữ các vị trí lãnh đạo trong cơ quan nhà nước) nhằm bảo đảm tiếng nói, vai trò của phụ nữ trong quá trình ra quyết định. Hiện, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XV của Việt Nam chiếm 30,26% và được đánh giá là nước có số đại biểu nữ cao trong Quốc hội. Tính đến tháng 02/2023, Việt Nam xếp hạng 64/193 nước, cao hơn 10 bậc so với thời điểm tháng 12/2020 (xếp hạng 74/193 nước). Việt Nam đứng thứ 4 ở châu Á và đứng đầu trong Hội đồng Liên minh nghị viện

Hiệp hội các nước Đông Nam Á (AIPA) về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội⁹.

Thứ ba, quyền tiếp cận giáo dục cho phép phụ nữ phát triển năng lực, đóng góp kinh tế cho gia đình và xã hội.

Thứ tư, quyền được bảo vệ khỏi bạo lực và bắt cóc. Quyền này phải được ưu tiên và đã được quy định tại Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 nhằm tạo môi trường an toàn để phụ nữ thực hiện các quyền dân chủ khác. Những quyền này không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là nền tảng để phụ nữ tham gia tích cực và bình đẳng vào các công việc trong một xã hội dân chủ.

Pháp chế là công cụ quan trọng, là nền tảng để bảo đảm quyền và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ. Hệ thống pháp luật minh bạch và công bằng giúp phụ nữ được bảo vệ khỏi các hành vi xâm phạm (như: bạo lực gia đình, quấy rối tình dục, phân biệt đối xử...). Tăng cường pháp chế giúp thúc đẩy công bằng giới, tạo cơ sở cho các chính sách ưu tiên, khuyến khích phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội, tạo ra sự bình đẳng đối với phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tại Việt Nam, khung pháp lý về quyền và bảo vệ quyền của phụ nữ tương đối toàn diện, được quy định trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Những văn bản này tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ phụ nữ khỏi phân biệt đối xử, bạo lực và bảo đảm quyền tham gia vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội của phụ nữ. Bên cạnh đó, Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030¹⁰ để tăng cường pháp chế, tập trung vào việc thu hẹp

9. Lê Việt Trung, “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp”, Tạp chí Xây dựng Đảng, tháng 10/2024.

10. Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

khoảng cách giới và nâng cao vai trò lãnh đạo của phụ nữ. Chiến lược này đã đưa ra một số mục tiêu cụ thể, như: (i) Trong lĩnh vực chính trị: Đến năm 2025 đạt 60%, đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ; (ii) Trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030; (iii) Trong lĩnh vực thông tin, truyền thông: Từ năm 2025 trở đi 100% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan hành chính, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về bình đẳng giới và cam kết thực hiện bình đẳng giới¹¹. Bên cạnh đó, các chương trình tuyên truyền pháp luật và hỗ trợ pháp lý cũng được đẩy mạnh thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong cộng đồng.

Tuy nhiên, việc thực hiện pháp luật về bảo vệ quyền của phụ nữ trên thực tế còn một số hạn chế như: (i) tình trạng bạo lực giới tương đối phổ biến. Theo Báo cáo Điều tra quốc gia năm 2019, gần 63% phụ nữ từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong đời, cũng theo báo cáo này, 31,6% phụ nữ đang là nạn nhân bị bạo hành trong 12 tháng gần đây, trong đó, một nửa phụ nữ bị chồng bạo hành chưa từng chia sẻ với ai, hầu hết phụ nữ (90,4%) không tìm kiếm sự trợ giúp sau khi chịu bạo hành về thể xác hoặc tình dục¹², điều này cho thấy, khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật còn lớn; (ii) nhận thức pháp luật của cộng đồng và

chính phụ nữ còn hạn chế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa - nơi định kiến giới vẫn cản trở việc thực thi các quyền của phụ nữ được pháp luật bảo vệ; (iii) các cơ quan thực thi pháp luật đôi khi thiếu nguồn lực được đào tạo chuyên sâu để xử lý hiệu quả các vấn đề liên quan đến phụ nữ (như bạo lực gia đình hay quấy rối tình dục...). Thực trạng này cho thấy, mặc dù Việt Nam rất quan tâm đến bảo vệ quyền của phụ nữ, song cần có sự nỗ lực dài hạn của cả chính quyền và xã hội để pháp chế trở thành công cụ bảo đảm kỷ cương và quyền lợi thực chất cho phụ nữ; khắc phục tình trạng thiếu đồng bộ trong thực thi; tăng cường giám sát và xử phạt nghiêm minh các vi phạm. Bên cạnh đó, cần đầu tư nhiều hơn vào giáo dục pháp luật và hỗ trợ phụ nữ ở các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa...

Bảo đảm kỷ cương xã hội là bảo đảm sự phát triển bền vững, tạo môi trường xã hội ổn định. Kỷ cương xã hội giúp giảm thiểu các hành vi vi phạm quyền của phụ nữ, duy trì trật tự xã hội và ổn định trong cộng đồng. Kỷ cương xã hội cần hòa hợp giữa giá trị văn hóa truyền thống và tư duy hiện đại, từ đó nâng cao nhận thức về vai trò và quyền lợi của phụ nữ trong tình hình mới hiện nay.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của phụ nữ

Trong bối cảnh mới hiện nay, quyền của phụ nữ tại Việt Nam đang chịu sự tác động từ nhiều yếu tố trong nước và quốc tế. Các thách thức và cơ hội mới đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới cách tiếp cận và thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm

11. Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021, *tlđđ*.

12. Báo cáo Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay đã hợp nhất với Bộ Nội vụ) và Tổng cục Thống kê (nay là Cục Thống kê) thực hiện, với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Quỹ Dân số của Liên Hợp Quốc (UNFPA), Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia, Đại sứ quán Australia tại Việt Nam, <https://vtv.vn/xa-hoi/vi-dinh-kien-bao-luc-voi-phu-nu-thuong-bi-che-giau-20200714185255334.htm>, truy cập ngày 11/4/2025.

quyền của phụ nữ. Để giải quyết mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội và quyền của phụ nữ trong tình hình mới, Việt Nam cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục tăng cường thực hành dân chủ để đẩy mạnh giáo dục và tuyên truyền trong quần chúng nhân dân, giúp cho mỗi người dân được tiếp cận nhận thức về quyền con người nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng, cụ thể: (i) tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức về quyền phụ nữ cho cộng đồng, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; (ii) bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội thiết yếu cho phụ nữ; (iii) xây dựng các diễn đàn đối thoại giữa phụ nữ và các cơ quan chức năng; (iv) thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị; (v) áp dụng các biện pháp ưu tiên để tăng tỷ lệ nữ giới tham gia vào các vị trí lãnh đạo; (vi) tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào quá trình ra quyết định thông qua việc bảo đảm tỷ lệ đại diện phụ nữ trong các cơ quan nhà nước, cơ quan dân cử, các tổ chức chính trị, xã hội; (vii) thực hiện các cơ chế bầu cử công bằng, minh bạch, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia bầu cử, ứng cử.

Hai là, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, cụ thể: (i) cần sửa đổi các quy định pháp luật không còn phù hợp, bổ sung các chế tài mạnh mẽ để bảo vệ quyền phụ nữ; (ii) cần tiếp tục nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, đào tạo cán bộ pháp lý để xử lý tốt hơn các vụ việc liên quan đến bạo lực và phân biệt đối xử với phụ nữ; (iii) tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng xây dựng các quy định cụ thể hơn về quyền phụ nữ trong các lĩnh vực lao động, giáo dục, y tế, gia đình...; (iv) tiếp tục rà soát, sửa đổi các quy định còn bất cập hoặc có thể tạo ra sự phân biệt đối xử dựa trên giới tính; (v) thể chế hóa các cam kết quốc tế, bảo đảm các quy định

pháp luật trong nước phải phù hợp với các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

Có thể thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam mặc dù đã có những văn bản quan trọng bảo đảm quyền của phụ nữ, tuy nhiên, vẫn tồn tại một số bất cập cần sửa đổi, cụ thể:

(i) Điều 137 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định danh mục công việc hạn chế đối với lao động nữ (ví dụ khai thác mỏ), được giải thích là để “bảo vệ sức khỏe sinh sản”. Tuy nhiên, theo Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) tại Việt Nam năm 2020 chỉ ra, những hạn chế này có thể vô tình tạo ra phân biệt đối xử trong tiếp cận việc làm (ILO, 2020, “Gender Equality in Viet Nam”). Vì vậy, đề xuất sửa đổi Điều 137 Bộ luật Lao động năm 2019 theo hướng không hạn chế lao động nữ tham gia một số ngành nghề nhưng cần bổ sung các quy định về an toàn lao động áp dụng cho cả hai giới.

(ii) Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình (Nghị định số 144/2021/NĐ-CP), mức phạt hành chính tối đa cho hành vi bạo lực gia đình là 30 triệu đồng (khoản 1, khoản 2 Điều 4). Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy, còn nhiều hành vi bạo lực gia đình chưa có chế tài xử phạt, gây khó khăn cho cơ quan chức năng trong việc xử lý. Ngoài ra, việc phạt tiền còn thiếu tính răn đe và chưa hợp lý, bởi tiền là do cả vợ và chồng cùng tạo ra, nhưng khi người chồng có hành vi bạo lực với vợ, thì lấy tiền chung của hai người để nộp phạt. Điều này khiến nạn nhân không muốn tố cáo hành vi bạo lực trong lần tiếp theo và cũng không có tính răn đe, giáo dục người có hành vi bạo lực. Theo đó, nghiên cứu đề xuất thay đổi hình thức phạt tiền bằng hình thức xử lý khác, đồng thời bổ sung hình phạt tù trong Bộ luật Hình sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các trường hợp bạo lực gia đình nghiêm trọng.

(iii) Việt Nam đã tham gia Công ước CEDAW từ ngày 18/2/1982, tuy nhiên, nhiều nội dung chưa được nội luật hóa. Ví dụ, tại Điều 2 Công ước CEDAW quy định “yêu cầu đưa bình đẳng giới vào luật quốc gia”, vì vậy, Luật Bình đẳng giới năm 2006 đã được Quốc hội thông qua nhưng một số văn bản hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật chưa được ban hành kịp thời. Trên thực tế, có lúc, có nơi, cơ quan chủ trì soạn thảo còn gặp khó khăn trong việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Một số giải pháp đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 chưa được các cơ quan, tổ chức quan tâm thực hiện; bên cạnh đó, chưa có chế tài đối với các cơ quan, tổ chức chưa nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao¹³. Điều 11 Công ước CEDAW quy định “xóa bỏ phân biệt đối xử trong lao động”, tuy nhiên, như phân tích ở trên, trong Bộ luật Lao động năm 2019, Việt Nam vẫn có những quy định hạn chế đối với lao động nữ hay tại Điều 16 Công ước CEDAW quy định “bình đẳng trong gia đình”, tuy nhiên, trong Báo cáo của Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) năm 2022 ghi nhận, phong tục ưu tiên nam giới trong thừa kế tại một số địa phương vẫn phổ biến, chưa được pháp luật điều chỉnh triệt để. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất: Ban hành Luật Chống phân biệt đối xử giới, dựa trên khuyến nghị của Ủy ban CEDAW (CEDAW Committee, 2015, Kết luận đối với Việt Nam); sửa đổi Bộ luật Lao động năm 2019 để phù hợp với Điều 11 Công ước CEDAW; tăng cường công khai báo cáo định

kỳ gửi Ủy ban CEDAW (theo yêu cầu của Liên hợp quốc). Ngoài ra, cần tăng cường năng lực cho các cơ quan tư pháp, lực lượng thực thi pháp luật trong xử lý các hành vi vi phạm quyền của phụ nữ. Thành lập các cơ quan chuyên trách về giám sát thực hiện quyền con người và bình đẳng giới. Xử lý nghiêm các vi phạm, đồng thời, tăng cường chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình, phân biệt đối xử và quấy rối tình dục. Thiết lập cơ chế bảo vệ và hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ bị xâm phạm quyền.

Ba là, đẩy mạnh truyền thông và giáo dục về quyền của phụ nữ. Phát triển các chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới và quyền của phụ nữ trên các kênh truyền thông đại chúng. Cần tiếp tục giáo dục ý thức dân chủ, quyền con người, đưa nội dung giáo dục về dân chủ, quyền con người và bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy tại các trường học. Tổ chức các chương trình đào tạo và tập huấn cho phụ nữ về cách thực hiện quyền dân sự, chính trị và kinh tế của mình. Ban hành các quy định bảo vệ quyền phụ nữ khi tham gia chính trị, bao gồm bảo vệ khỏi quấy rối, định kiến và các rào cản khác. Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thuyết trình, tranh biện và quản lý dành cho phụ nữ để giúp phụ nữ có cơ hội đóng góp ý kiến trong việc hoạch định chính sách và tham gia thảo luận về các vấn đề xã hội.

Cần huy động vai trò của các tổ chức xã hội, khuyến khích các tổ chức phi Chính phủ, hội, nhóm hỗ trợ phụ nữ trong việc bảo vệ quyền lợi của họ. Tạo cơ hội để phụ nữ và các nhóm yếu thế thảo luận, đóng góp ý kiến vào các vấn đề chính trị, xã hội của đất nước. Phát huy vai trò của tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc hỗ trợ các hội, nhóm phụ nữ,

13. Hồ Hương, “*Vẫn còn những khó khăn, tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới*”, <https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=50879>, truy cập ngày 11/4/2025.

tổ chức phi Chính phủ tham gia giám sát, phản biện và đề xuất các chính sách bảo vệ quyền của phụ nữ. Phát động các phong trào nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền của phụ nữ và vai trò của họ trong việc xây dựng xã hội dân chủ.

Bốn là, tiếp tục gắn kết thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế trong tình hình mới. Đẩy mạnh đối thoại dân chủ trong xây dựng pháp luật, mở rộng không gian đối thoại dân chủ, lấy ý kiến của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong việc xây dựng các quy định pháp luật. Xây dựng các mô hình đối thoại xã hội thường xuyên, đặc biệt tại cấp cơ sở, để bảo đảm tiếng nói của phụ nữ được lắng nghe và phản ánh, đóng góp vào chính sách, pháp luật. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào việc nâng cao hiệu quả quản lý và thực hành dân chủ; phát triển các nền tảng trực tuyến để phụ nữ dễ dàng tiếp cận thông tin pháp luật và tham gia giám sát thực thi chính sách, pháp luật.

Ngoài ra, cần kết hợp dân chủ, pháp chế trong giáo dục quyền con người; tích hợp các nội dung về thực hành dân chủ, pháp chế, quyền phụ nữ vào các chương trình đào tạo cán bộ, lãnh đạo và giáo dục cộng đồng. Xây dựng các chiến dịch tuyên truyền để thúc đẩy sự hiểu biết về mối quan hệ giữa dân chủ và pháp chế trong bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của phụ nữ.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo đảm quyền con người nói chung và quyền của phụ nữ nói riêng. Tiếp tục hợp tác với các tổ chức quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và nâng cao năng lực bảo vệ quyền của phụ nữ. Thúc đẩy ký kết và thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến quyền của phụ nữ. Xử lý hiệu quả các thách thức mới về quyền của phụ nữ, như: Bất bình đẳng giới trong chuyển đổi số, biến đổi khí hậu; tác động của kinh tế thị trường đối với quyền của phụ nữ; các hình thức bạo lực giới tinh vi hơn (bạo lực trực tuyến, quấy rối trên mạng...).

Kết luận

Có thể thấy, tình hình mới hiện nay mang lại cả cơ hội và thách thức cho bảo đảm quyền của phụ nữ ở Việt Nam. Để đạt được mục tiêu bình đẳng giới thực chất cần có sự thay đổi trong chính sách, pháp luật và cả trong nhận thức xã hội. Bảo đảm quyền của phụ nữ là nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi đồng bộ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế và bảo đảm kỷ cương xã hội. Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế trong bảo đảm kỷ cương xã hội và quyền của phụ nữ không chỉ giúp phụ nữ phát huy vai trò, nâng cao vị thế của mình mà còn đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Điều này cần có sự nỗ lực từ Nhà nước, các tổ chức xã hội, cộng đồng và bản thân mỗi cá nhân để xây dựng xã hội Việt Nam tiến bộ, công bằng, văn minh - nơi phụ nữ được sống, làm việc và phát triển toàn diện □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Ánh Dương (2018), *“Đạm Phương Nữ Sĩ: Vấn đề phụ nữ ở nước ta”*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
2. Hà Thanh Vân (2021), *“Văn học và Bình đẳng giới”*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2020), *“Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp hỗ trợ và bảo vệ một số nhóm phụ nữ đặc thù”*.
4. Nguyễn Thị Minh Thái (2015), *“Phụ nữ Việt Nam trong lịch sử và pháp luật”*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thu Hà (2020), *“Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở Việt Nam”*, Tạp chí Nghiên cứu Chính trị.
6. Nguyễn Văn Huyền (2021), *“Phát huy vai trò của nhân dân trong mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế”*, Tạp chí Quản lý Nhà nước.